Trường THPTĐỗ Đăng Tuyển
GV: NGUYỄN THỊ LINH
Ngày soạn: 8/11/2026
– Tiết PPCT 19,20

BÀI 8: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế ở nước ta.
- Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta.
- Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.
- Liên hệ thực tế địa phương về vấn đề lao động và việc làm.
- Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
  + Tự chủ tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập.
  + Giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được các vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết.
- Năng lực đặc thù:
  + Nhận thức khoa học Địa lí: xác định được sự phân bố nguồn lao động ở nước ta.
  + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học (bảng số liệu, biểu đồ, tháp dân số) để phân tích được đặc điểm lao động và việc làm nước ta.
  + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế địa phương về vấn đề lao động và việc làm.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, từ sách báo và các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.
- Trung thực: trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia lao động để xây dựng và phát quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Bản đồ dân cư Việt Nam.
- Biểu đồ, bảng số liệu về lao động.
- Tranh ảnh về lao động, việc làm ở nước ta.
- SGK Địa lí 12.

2. Học sinh

- SGK Địa lí 12.
- Máy tính.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:
- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về lao động việc làm Việt Nam với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi "Nhanh như chớp".

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS (Giáo viên, bác sĩ, kỹ sư, công nhân, bộ đội, công an,…).

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp trò chơi.

– Bước 1: GV chia lớp thành 2 đội, yêu cầu HS kể tên các ngành nghề trong xã hội hiện nay.
  + Mỗi đội lần lượt kể tên một ngành nghề (HS trả lời sau không trùng với các đáp án đã có).

+ Thời gian chờ cho mỗi đội là 3 giây. Nếu vượt quá 3 giây mà đội không đưa ra câu trả lời, đội đối phương sẽ giành chiến thắng.

– Bước 2: HS huy động kiến thức, suy nghĩ tìm câu trả lời.

– Bước 3. GV mời HS trả lời.

– Bước 4. GV tuyên bố đội thắng cuộc và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu đặc điểm nguồn lao động

a) Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động của nước ta.
- Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trả lời câu hỏi: *Trình bày đặc điểm nguồn lao động nước ta.*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
I. Đặc điểm nguồn lao động **1. Số lượng** - Nước ta có nguồn lao động dồi dào: 52,9 triệu người (năm 2024), chiếm 52,2% tổng số dân. - Mỗi năm, nguồn lao động nước ta tăng thêm khoảng 1 triệu người. **2. Chất lượng lao động** - Lao động nước ta cần cù sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm sản xuất trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, tiểu thủ công nghiệp,... - Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên. - Lao động Việt Nam năng động, dễ dàng tiếp thu khoa học - công nghệ hiện đại trong sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động và hội nhập quốc tế. - Chất lượng lao động có sự phân hoá theo vùng. Đồng bằng sông Hồng có tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo cao nhất cả nước. - Lao động nước ta còn hạn chế về thể lực; trình độ chuyên môn kĩ thuật và tác phong lao động công nghiệp. **3. Phân bố lao động** - Nước ta có hơn 32,5 triệu lao động ở khu vực nông thôn, 20,4 triệu lao động ở thành thị (năm 2024). - Phân bố lao động có sự khác nhau giữa khu vực, các vùng. + Đồng bằng sông Hồng có số lượng lao động lớn nhất (chiếm 23,3% tổng số lao động cả nước năm 2024). + Bắc Trung Bộ thấp nhất (chỉ chiếm 10,4% năm 2024).

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật chia sẻ cặp đôi.

– Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, trình bày đặc điểm lao động của nước ta.

– Bước 2: HS làm việc, ghi kết quả ra giấy nháp.

– Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc, các HS khác nhận xét và bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

2.2. Tìm hiểu về vấn đề sử dụng lao động

a) Mục tiêu:

- Phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế ở nước ta.
- Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động.

b) Nội dung: GV gợi ý HS đọc thông tin SGK hoàn thành phiếu học tập:

Cơ cấu lao động	Theo ngành kinh tế	Theo thành phần kinh tế
Sự chuyển dịch		
Nguyên nhân		

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN		
Cơ cấu lao động	**Theo ngành kinh tế**	**Theo thành phần kinh tế**

Sự chuyển dịch	Cơ cấu lao động nước ta có sự chuyển dịch phù hợp với đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá: - Giảm tỉ lệ lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; - Tăng tỉ lệ lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.	Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế có sự thay đổi theo hướng: - Giảm tỉ lệ lao động khu vực kinh tế Nhà nước và ngoài Nhà nước. - Tăng tỉ lệ lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
Nguyên nhân	Nước ta đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.	Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình hội nhập nền kinh tế quốc tế và khu vực.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (nhóm 4 – 6 học sinh) và giao nhiệm vụ: HS hoàn thành bài tập của mình.

– Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành bài tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện bài tập.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung.

2.3. Tìm hiểu vấn đề việc làm và hướng giải quyết

a) Mục tiêu:

- Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta.
- Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.
- Phân tích được các bảng số liệu về vấn đề việc làm.

b) Nội dung: GV tổ chức thảo luận cả lớp, gợi ý nội dung thảo luận:

+ *Vấn đề việc làm của nước ta hiện nay như thế nào?*

+ *Một số giải pháp để giải quyết việc làm ở nước ta.*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

III. Vấn đề việc làm và hướng giải quyết

1. Vấn đề việc làm

- Hầu hết lao động nước ta có việc làm, tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm khá thấp. Khu vực thành thị thường có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn khu vực nông thôn nhưng tình trạng thiếu việc làm thì ngược lại.
- Việc làm vẫn là vấn đề kinh tế – xã hội cần được quan tâm ở nước ta hiện nay. Các việc làm giản đơn có năng suất thấp, thu nhập không cao còn phổ biến.

2. Hướng giải quyết việc làm

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về lao động nhằm khuyến khích, hỗ trợ, huy động mọi nguồn lực đầu tư tạo việc làm.
- Thúc đẩy tạo việc làm mới thông qua phát triển các ngành kinh tế, phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo,...
- Đẩy mạnh việc đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng lao động.
- Phát triển hệ thống tư vấn, thông tin về thị trường lao động, việc làm.
- Xây dựng và thực hiện tốt hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ tích cực để người mất việc sớm trở lại làm việc.
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động.

d) Tổ chức thực hiện: GV tổ chức thảo luận cả lớp.

– Bước 1: GV tổ chức thảo luận cả lớp, nội dung thảo luận:

+ *Vấn đề việc làm của nước ta hiện nay như thế nào?*

+ *Một số giải pháp để giải quyết việc làm ở nước ta.*

– Bước 2: HS tham khảo thông tin SGK và hiểu biết cá nhân để tham gia thảo luận cùng cả lớp.

– Bước 3: GV điều khiển cuộc thảo luận, cho các HS phát biểu, trao đổi.

– Bước 4: GV đánh giá, tổng kết nội dung.

3. Hoạt động 3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học về lao động và việc làm.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

1. Trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật của nước ta năm 2010 và năm 2024

(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kĩ thuật	2010	2024
Đã qua đào tạo	14,6	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	71,6

a) Tỉ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo có xu hướng giảm.

b) Lao động nước ta chủ yếu chưa qua đào tạo.

c) Chất lượng lao động ngày càng tăng phù hợp với yêu cầu hiện đại hoá đất nước.

d) Lao động chưa qua đào tạo chiếm tỉ lệ lớn do nước ta có xuất phát điểm nền kinh tế thấp.

2. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu 1. Theo Niên giám thống kê năm 2022 (NXB Thống kê), tổng số lao động nước ta là 50 604,7 nghìn người, số lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng là 24 442,0 nghìn người. Cho biết số lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm bao nhiêu % so với tổng số lao động của nước ta? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

1. Trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Đáp án: b,c,d đúng; a : sai.

2. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 1. Đáp án: 24442,0 : 50604,7) x 100 ≈ 48,3 %.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế địa phương về vấn đề lao động và việc làm.

- Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS: Sưu tầm thông tin, tìm hiểu tình hình sử dụng lao động ở địa phương em và chia sẻ với bạn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tình hình sử dụng lao động ở Gia Lai Tây

1. Tình hình nguồn lao động

a. Thế mạnh:

- Năm 2021, số dân của Gia Lai Tây là 1 569 721 người, trong đó số dân hoạt động kinh tế là 915 638 người, chiếm 58,3%.
- Lao động Gia Lai Tây có kinh nghiệm trong những ngành sản xuất đặc thù gắn với truyền thống địa phương được tích lũy qua nhiều thế hệ.
- Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao nhờ những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục và y tế.

b. Hạn chế:

- Lực lượng lao động đã qua đào tạo vẫn còn thấp, chỉ chiếm 15,9%. Thiếu đội ngũ cán bộ quản lí, công nhân kĩ thuật lành nghề, đặc biệt là lao động thời vụ vào mùa.
- Tỉ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 1,7% và tỉ lệ thiếu việc làm là 2,5%.

2. Cơ cấu lao động

a. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế:

- Quá trình đổi mới phát triển kinh tế – xã hội đã làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng lao động ở Gia Lai Tây.
- Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo hướng tăng khu vực II, III và giảm khu vực I, tuy nhiên sự

phân công lao động xã hội theo các ngành còn chuyển biến chậm và không ổn định.

b. Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế

Cơ cấu lao động theo thành phần kinh kế cũng có sự thay đổi, khu vực kinh tế nhà nước có xu hướng giảm, ngoài nhà nước có xu hướng tăng tỉ trọng.

c. Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn

Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn có sự chuyển dịch theo hướng thành thị tăng tỉ trọng, nông thôn giảm tỉ trọng, tuy nhiên sự chuyển dịch trên còn chậm và phần lớn lao động vẫn còn tập trung ở nông thôn.

d) Tổ chức thực hiện:

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.
– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
– Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.
– Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 9: Đô thị hóa.